

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-PT  
Ngày 31 tháng 7 năm 2019  
V/v: “Tranh chấp trong hôn nhân  
và gia đình”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

**Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đinh Ngọc Huân.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Vĩnh Thành.

Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Lan - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc:* Bà Lê Thị Huệ - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2019/TLPT-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019, về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình. Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 04/2019/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 23/2019/QĐPT-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn (Người kháng cáo): Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn O, xã Đ, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*Nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn A đăng ký kết hôn với nhau ngày 27 tháng 01 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (Đăng ký kết hôn số 29 ngày 27/01/2011). Việc kết hôn của hai bên được tự do tìm hiểu và tự

nguyên, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình nhà anh A, tại Thôn O, xã Đ, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Đến khoảng tháng 3 năm 2011, vợ chồng ra ở riêng, tình cảm hòa thuận, hạnh phúc. Đến khoảng tháng 6 năm 2011, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng về quan điểm sống, nên thường xuyên cãi nhau, đánh nhau. Từ tháng 4 năm 2017 chị H đã về nhà bố mẹ đẻ của chị ở Thôn T, xã Đ, huyện B sinh sống, vợ chồng chị H sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, hai bên không còn quan tâm đến nhau, nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A.

Về con chung: Chị và anh A có 01 con là cháu Nguyễn Thị Y, sinh ngày 25 tháng 8 năm 2012, hiện nay cháu đang ở với anh A. Lý do cháu ở với anh A là khi ly thân, chị có đem theo cháu Y, được 03 ngày anh A đón cháu, sau đó chị có qua nhà anh A xin đón con để chị sống cùng và nuôi dạy con, nhưng anh A ngăn cản không cho chị đón con. Vì vậy, từ tháng 5 năm 2017 cho đến nay cháu Y sống cùng anh A. Những lần đầu chị về thăm con, anh A ngăn cản không cho chị thăm nom chăm sóc cháu, nhưng từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay anh A đã cho chị thăm nom cháu. Nếu được ly hôn, chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Y và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung, hiện nay chị đang làm công nhân may ở địa bàn xã Đ, huyện B với thu nhập từ 5.500.000 đồng đến 6.000.000 đồng/tháng, có nơi ở đầy đủ, nên chị có đủ điều kiện để nuôi dạy con tốt.

*Bị đơn anh Nguyễn Văn A trình bày:*

Xác nhận chị H trình bày về việc hai bên tìm hiểu, kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng nêu trên là đúng, anh A không bổ sung gì thêm. Chị H có đơn xin ly hôn, anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Hiện nay cháu Nguyễn Thị Y đang ở với anh A, nếu được ly hôn anh xin được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh đang làm nghề tự do, mức thu nhập khoảng 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng, có nơi ở đầy đủ, nên có điều kiện để nuôi dạy con tốt.

Về tài sản: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn A đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 04/2019/HNGĐ-ST ngày 22/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện B đã quyết định:

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn A được ly hôn

Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Y, sinh ngày 25 tháng 8 năm 2012 cho chị Lê Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Ngoài ra bản án còn tuyên xử về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/6/2019 anh Nguyễn Văn A kháng cáo đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Y, không yêu cầu chị Lê Thị H cấp dưỡng nuôi con chung.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

*Nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày:* Nhất trí với nội dung và quyết định của bản án sơ thẩm, tại cấp phúc thẩm không bổ sung thêm ý kiến hoặc chứng cứ gì mới. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

*Bị đơn anh Nguyễn Văn A trình bày:* Tại cấp phúc thẩm không bổ sung thêm ý kiến hoặc chứng cứ gì mới. Do anh có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con, đồng thời hiện nay cháu Y đang sinh sống ổn định cùng anh, tránh việc thay đổi cuộc sống ảnh hưởng đến tâm lý trẻ nhỏ, nên anh A giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết cho anh được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Y và không yêu cầu chị Lê Thị H cấp dưỡng nuôi con chung.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật. Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, quyết định bản án sơ thẩm và đối chiếu với quy định của pháp luật, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của anh A; áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có những nhận xét sau đây:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn A được làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét giải quyết.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn A có 01 con chung là Nguyễn Thị Y, sinh ngày 25 tháng 8 năm 2012, hiện cháu đang ở với anh A. Quá trình giải quyết vụ án, anh và chị đều xin được nuôi cháu Y, không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nguyên vọng xin được nuôi con của chị H và anh A là chính đáng, nhưng việc giao con chung cho ai nuôi cần được xem xét để đảm bảo sự phát triển bình thường và quyền lợi về mọi mặt của trẻ nhỏ mang giới tính nữ.

Xét thấy, chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn A đều là những người lao động có việc làm, có nơi ở ổn định, có mức thu nhập bình quân hàng tháng từ 5.500.000 đ/tháng đến 7.000.000 đ/tháng, đều có khả năng nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Tuy nhiên, do cháu Y còn nhỏ và mang giới tính nữ, rất cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ; đặc biệt là việc hướng dẫn, chỉ bảo cần thiết cho sự phát triển về tâm sinh lý của nữ giới trong quá trình phát triển về thể chất của cháu. Vì vậy, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của cháu Y và phụ nữ khi ly hôn, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định giao cháu Y cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Nguyễn Văn A vẫn giữ nguyên kháng cáo nhưng không có tài liệu chứng cứ gì mới xác định việc anh nuôi con sẽ tốt hơn chị H, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của anh A.

[3] Hội đồng xét xử phúc thẩm cần tiếp tục ghi nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Văn A và chị Lê Thị H về việc anh A không phải cấp dưỡng nuôi con chung (cho đến khi chị H có yêu cầu khác về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con).

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Nguyễn Văn A phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**QUYẾT ĐỊNH:**

Giữ nguyên quyết định bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 04/2019/HNGĐ-ST ngày 22/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Cụ thể:

1. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Y, sinh ngày 25 tháng 8 năm 2012 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Ghi nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Văn A và chị Lê Thị H về việc anh A không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Nguyễn Văn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn A phải chịu 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tại biên lai số AA/2017/0003450 ngày 04/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Anh A đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Viện KSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Tòa GD&NCTN, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Đinh Ngọc Huân**